

ENGLISH 6- UNIT 7:

TELEVISION

GETTING STARTED

- talent show	(n) : cuộc thi tài năng trên t. hình
- programme	(n) : chương trình
- animated film	(n) : phim hoạt họa
- wonderful	(adj): tuyệt vời
- prefer	(v) : thích hơn
- cartoon	(n) :phim hoạt hình
- character	(n) : nhân vật
- channel	(n) :kênh truyền hình
- educational	(adj):mang tính giáo dục
- view	(v) : quan sát, xem
- national television	(n) : đài truyền hình quốc gia
- local television	(n) :đài t.hình địa phương